

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2024
I	TỔNG TÀI SẢN	<i>Triệu đồng</i>	422.630
1	Tài sản ngắn hạn	<i>Triệu đồng</i>	354.290
2	Tài sản dài hạn	<i>Triệu đồng</i>	68.340
II	Nợ phải trả	<i>Triệu đồng</i>	306.447
1	Nợ ngắn hạn	<i>Triệu đồng</i>	298.909
2	Nợ dài hạn	<i>Triệu đồng</i>	7.538
III	Vốn chủ sở hữu	<i>Triệu đồng</i>	116.183
1	Vốn góp của chủ sở hữu	<i>Triệu đồng</i>	37.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	<i>Triệu đồng</i>	3.512
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Triệu đồng</i>	75.671
IV	KẾT QUẢ KINH DOANH		Năm 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	<i>Triệu đồng</i>	1.127.546
2	Tổng chi phí	<i>Triệu đồng</i>	1.032.308
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	<i>Triệu đồng</i>	95.238
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Triệu đồng</i>	19.567
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	<i>Triệu đồng</i>	75.671

Chi tiết đầy đủ của bản Báo cáo này đã được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.fomeco.vn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT;

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Phương



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

*đính kèm báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Chung (*)	Thành viên
Ông Đàm Duy Đức	Thành viên
Ông Hoàng Công Toán	Thành viên
Ông Vương Quốc Chính	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Chung (*)	Giám đốc
Ông Lê Văn Khanh	Phó Giám đốc
Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/5/2024)

(*) Ngày 14/12/2024, ông Nguyễn Đức Chung - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 đã có đơn xin từ nhiệm gửi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty, xin thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/02/2025, Quyết định chính thức sẽ được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Đồng thời, Ông Nguyễn Đức Chung cũng xin từ chức Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/02/2025, Quyết định chính thức sẽ được Hội đồng quản trị phê duyệt. Đến ngày phát hành báo cáo này, do vẫn chưa có sự phê duyệt chính thức nên Báo cáo này vẫn tiếp tục được ký duyệt bởi Ông Nguyễn Đức Chung - thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (Người đại diện theo pháp luật của Công ty).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN



Nguyễn Đức Chung

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HẰNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 190202 -25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Võ

Nguyễn Vũ Huy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2024-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		354.290.074.535	350.172.456.267
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	126.877.980.990	110.178.057.560
1 Tiền	111		86.877.980.990	60.178.057.560
2 Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	50.000.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	-	30.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.146.259.265	122.662.633.223
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	127.387.150.484	117.115.452.345
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	3.102.192.406	4.700.003.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	656.916.375	847.177.878
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV Hàng tồn kho	140		95.805.682.124	64.417.407.426
1 Hàng tồn kho	141	V.6.	100.681.516.329	66.716.753.732
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.875.834.205)	(2.299.346.306)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		460.152.156	22.914.358.058
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	218.780.180	209.833.208
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.392.317	22.362.950.389
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	212.979.659	341.574.461
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.340.017.473	101.158.617.598
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		53.530.222.913	74.061.457.779
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	51.925.423.604	74.061.457.779
- Nguyên giá	222		489.615.842.464	484.037.981.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(437.690.418.860)	(409.976.524.163)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	1.604.799.309	-
- Nguyên giá	228		2.268.828.182	168.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(664.028.873)	(168.000.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		480.078.904	9.777.482.712
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	480.078.904	9.777.482.712
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		149.822.302	149.822.302
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.	149.822.302	149.822.302
VI Tài sản dài hạn khác	260		14.179.893.354	17.169.854.805
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	14.179.893.354	17.169.854.805
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		422.630.092.008	451.331.073.865

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN
Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C NỢ PHẢI TRẢ	300		306.446.816.066	301.138.032.075
I Nợ ngắn hạn	310		298.908.785.835	293.261.213.956
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	144.948.579.041	142.886.427.765
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	1.916.084.919	1.563.832.970
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	5.534.130.506	4.176.459.115
4 Phải trả người lao động	314		71.579.735.333	89.826.471.820
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	1.579.084.418	921.083.135
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	13.912.542.732	9.377.835.202
7 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15.	1.414.662.775	869.884.865
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		58.023.966.111	43.639.219.084
II Nợ dài hạn	330		7.538.030.231	7.876.818.119
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16.	7.538.030.231	7.876.818.119
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.183.275.942	150.193.041.790
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	116.183.275.942	150.193.041.790
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.000.000.000	37.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.000.000.000	37.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		3.512.124.618	3.512.124.618
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.671.151.324	109.680.917.172
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	37.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		75.671.151.324	72.680.917.172
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		422.630.092.008	451.331.073.865

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Người lập biểu



Lê Ngọc Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Đức Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN
Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.117.666.841.410	1.049.971.428.129
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	555.904.572	278.663.024
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.117.110.936.838	1.049.692.765.105
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	910.133.255.449	857.228.674.207
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		206.977.681.389	192.464.090.898
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	8.583.606.248	8.197.766.286
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	2.406.130.191	559.908.727
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	24.515.990.108	22.154.055.205
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	93.138.486.670	87.560.762.454
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		95.500.680.668	90.387.130.798
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	1.851.444.481	3.219.671.187
12 Chi phí khác	32	VI.7.	2.113.629.403	1.184.939.196
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(262.184.922)	2.034.731.991
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		95.238.495.746	92.421.862.789
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11.	19.567.344.422	19.740.945.617
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		75.671.151.324	72.680.917.172
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12.	10.411	10.000

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Ngọc Thanh

Nguyễn Thị Hồng Thắm

Nguyễn Đức Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.100.278.024.665	1.057.996.269.620
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(766.512.817.711)	(715.146.270.992)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(218.075.348.076)	(191.024.875.203)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(20.099.809.599)	(22.109.489.478)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.447.528.993	4.122.688.334
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.701.161.419)	(46.954.333.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		60.336.416.853	86.883.988.671
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.330.719.715)	(34.853.184.144)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(90.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.000.000.000	90.190.520.548
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.788.698.442	4.780.029.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		29.457.978.727	(29.882.634.342)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(73.433.800.000)	(44.060.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.433.800.000)	(44.060.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16.360.595.580	12.941.074.329
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		110.178.057.560	97.138.779.385
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		339.327.850	98.203.846
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	126.877.980.990	110.178.057.560

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Ngọc Thanh

Nguyễn Thị Hồng Thắm



Nguyễn Đức Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bồng Hồng, phường Bãi Bồng,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, trực thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 570/CL-CB1 ngày 19/10/1974 của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim và được thành lập lại theo Quyết định số 283/QĐ/TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Theo Quyết định số 13/2002/QĐ/BCN ngày 25/03/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) thì Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành Công ty Cơ khí Phổ Yên. Từ ngày 12/12/2003 Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1703000098 ngày 07/5/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 14/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thì Vốn điều lệ của Công ty là: **37.000.000.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ đồng chẵn)**

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là FBC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng lái);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo);
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô);
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; Sản xuất các cấu kiện kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại - không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

Trụ sở Công ty tại: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Nhà số 19 đường 36 phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 989 người (tại ngày 31/12/2023: 992 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

339
TỶ
HÀ
CHỈ
YÊN
TTH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính, trong đó:

- Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	04 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý doanh nghiệp Bravo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán, phần mềm quản lý doanh nghiệp Bravo không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán, phần mềm quản lý doanh nghiệp Bravo là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm kế toán, phần mềm quản lý doanh nghiệp Bravo được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: tiền thuê đất trả tiền 1 lần, chi phí bảo hiểm và các chi phí khác.

Chi phí bảo hiểm và chi phí trả trước khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Chi phí tiền thuê đất trả 1 lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất là 370 tháng.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại thường xuyên giao dịch tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí phải trả tiền thưởng sáng kiến cho cán bộ công nhân viên, khoản trích công tác phí,... là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê tài sản, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán nguyên vật liệu, doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm cơ khí (vòng bi, con lăn, bát phuộc, hàng kết cấu và các sản phẩm cơ khí khác), doanh thu cho thuê lại đất và doanh thu từ tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

18.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là các sản phẩm cơ khí chính xác và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền	86.877.980.990	60.178.057.560
Tiền mặt	507.120.000	397.246.600
Tiền gửi ngân hàng	86.370.860.990	59.780.810.960
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	126.877.980.990	110.178.057.560

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên với lãi suất 4,4%/năm, trả lãi cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 222/2023/21077 ngày 15/6/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Công, kỳ hạn 6 tháng với giá trị 10 tỷ đồng, lãi suất 6,7%/năm, trả lãi cuối kỳ. Khoản tiền gửi đã được tất toán trong năm.
- Hợp đồng tiền gửi số HĐTG/23082023/520/1091019100A tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ngày 23/8/2023, kỳ hạn 6 tháng với giá trị 10 tỷ đồng, lãi suất 6,1%/năm, trả lãi cuối kỳ. Khoản tiền gửi đã được tất toán trong năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 01/280823/HĐCKH, PY ngày 28/8/2023 tại Ngân Hàng TMCP Á Châu - PGD Phổ Yên, kỳ hạn 6 tháng với giá trị 5 tỷ đồng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ. Khoản tiền gửi đã được tất toán trong năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 02/280823/HĐCKH, PY ngày 28/8/2023 tại Ngân Hàng TMCP Á Châu - PGD Phổ Yên, kỳ hạn 6 tháng với giá trị 5 tỷ đồng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ. Khoản tiền gửi đã được tất toán trong năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa (ii)	149.822.302	-	149.822.302	149.822.302	-	149.822.302
Cộng	149.822.302	-	149.822.302	149.822.302	-	149.822.302

(ii) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty Honda Việt Nam	36.432.171.085	-	25.752.467.819	-
Hanwa Co., Ltd Japan	9.165.625.513	-	14.303.586.702	-
Công ty TNHH Techno Associe Việt Nam	12.219.574.101	-	22.537.135.695	-
Công ty TNHH Brothers Techno	17.192.413.922	-	19.778.766.313	-
Các đối tượng khác	52.377.365.863	-	34.743.495.816	-
Cộng	127.387.150.484	-	117.115.452.345	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Phần mềm Bravo	-	1.257.000.000
D Connection Co., Ltd	421.593.451	898.164.800
Suzhou ruiya industrail Furnace MFG Co.,Ltd	622.273.066	-
Các đối tượng khác	2.058.325.889	2.544.838.200
Cộng	3.102.192.406	4.700.003.000

5. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	54.246.575	-	593.222.222	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	231.438.146	-	41.497.400	-
Phải thu khác	371.231.654	-	212.458.256	-
Cộng	656.916.375	-	847.177.878	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	22.750.000			
Nguyên liệu, vật liệu	48.205.702.131	(2.846.321.942)	36.736.408.595	(240.705.469)
Công cụ, dụng cụ	456.374.886	-	2.658.788.586	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.749.394.577	-	6.972.267.520	-
Thành phẩm	23.638.871.752	(2.029.512.263)	19.552.687.422	(2.058.640.837)
Hàng gửi bán	7.608.422.983	-	796.601.609	-
Cộng	100.681.516.329	(4.875.834.205)	66.716.753.732	(2.299.346.306)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2024	168.000.000	168.000.000
Mua trong năm	2.100.828.182	2.100.828.182
Số dư ngày 31/12/2024	2.268.828.182	2.268.828.182
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2024	168.000.000	168.000.000
Khấu hao trong năm	496.028.873	496.028.873
Số dư ngày 31/12/2024	664.028.873	664.028.873
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	1.604.799.309	1.604.799.309

- Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 168.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2023 là 168.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2024	82.150.144.507	375.138.780.503	24.104.025.466	1.501.552.666	1.143.478.800	484.037.981.942
Mua trong năm	-	5.090.860.522	-	487.000.000	-	5.577.860.522
Số dư ngày 31/12/2024	82.150.144.507	380.229.641.025	24.104.025.466	1.988.552.666	1.143.478.800	489.615.842.464
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2024	54.912.320.415	331.788.138.678	20.682.359.608	1.450.226.662	1.143.478.800	409.976.524.163
Khấu hao trong năm	4.621.620.632	20.975.613.936	1.796.332.557	320.327.572	-	27.713.894.697
Số dư ngày 31/12/2024	59.533.941.047	352.763.752.614	22.478.692.165	1.770.554.234	1.143.478.800	437.690.418.860
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	27.237.824.092	43.350.641.825	3.421.665.858	51.326.004	-	74.061.457.779
Tại ngày 31/12/2024	22.616.203.460	27.465.888.411	1.625.333.301	217.998.432	-	51.925.423.604

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 381.348.250.558 VND (tại ngày 31/12/2023 là 353.507.743.946 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	218.780.180	209.833.208
Phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	214.092.497	209.833.208
Các khoản chi phí trả trước khác	4.687.683	-
b) Dài hạn	14.179.893.354	17.169.854.805
Tiền thuê đất trả 1 lần (*)	7.649.298.747	7.994.379.891
Phí bảo lãnh hợp đồng điện	9.762.983	12.276.359
Chi phí phần mềm	44.155.208	182.380.208
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	6.468.759.078	8.980.818.347
Các khoản chi phí trả trước khác	7.917.338	-
Cộng	14.398.673.534	17.379.688.013

(*) Theo thông báo thuê đất số 1440/TB-CT của cục thuế Thái Nguyên ngày 07/6/2017 - thông báo về đơn giá thuê đất của Công ty CP Cơ khí Phố Yên tại phường Bãi Bông, thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên với diện tích thuê là 36.314 m², đơn giá thuê 293.000 đồng/m², thời hạn sử dụng là 30 năm 10 tháng (đến hết ngày 07 tháng 3 năm 2047).

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm Tài sản cố định	-	5.006.181.818
Máy đập 500 tấn kiểu 1 trục khuỷu MG1-500	-	3.878.181.818
Lò trung tần 3000KW WH-VI-300	-	625.000.000
Hệ thống máy chủ	-	487.000.000
Cầu trục	-	16.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	480.078.904	4.771.300.894
Sửa chữa hệ thống xử lý khí thải, nước thải	-	4.291.769.008
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	480.078.904	473.703.704
Xây dựng cơ bản dở dang khác	-	5.828.182
Cộng	480.078.904	9.777.482.712

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊNĐịa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Thương mại Citicom	20.793.688.300	20.793.688.300	19.823.187.890	19.823.187.890
Công ty Cổ phần FORGING	9.890.509.773	9.890.509.773	1.301.786.992	1.301.786.992
Công ty CP Hyundai Aluminum Vina	4.426.406.050	4.426.406.050	5.859.714.850	5.859.714.850
Công ty CP Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp	6.114.559.440	6.114.559.440	4.239.808.375	4.239.808.375
Công ty CP Thương mại, Tư vấn và Xây dựng Đức Minh	9.049.838.483	9.049.838.483	9.294.393.393	9.294.393.393
Công ty TNHH Gnc Vina	654.463.067	654.463.067	4.056.023.659	4.056.023.659
Suzhou Vaphohar Marphohar International Trade Limited Company	6.038.681.949	6.038.681.949	4.408.333.714	4.408.333.714
Công ty CP Plato Việt Nam	1.868.571.804	1.868.571.804	3.825.140.798	3.825.140.798
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Nam Việt	5.926.365.060	5.926.365.060	3.748.206.990	3.748.206.990
Các đối tượng khác	80.185.495.115	80.185.495.115	86.329.831.104	86.329.831.104
Cộng	144.948.579.041	144.948.579.041	142.886.427.765	142.886.427.765

*b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2***12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH KD Heat technology Thái Nguyên	-	65.494.940
Công ty CP Liquid Combustion technology Việt Nam	20.450.000	20.450.000
Dragon right enterprise limited Taiwan Branch (Hong Kong)	-	694.023.536
Dragon right Co.,ltd	1.570.787.567	783.864.494
Các đối tượng khác	324.847.352	-
Cộng	1.916.084.919	1.563.832.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.832.097.901	1.832.097.901	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.015.643.997	19.567.344.422	20.099.809.599	3.483.178.820
Thuế thu nhập cá nhân	160.815.118	11.817.210.890	9.930.230.890	2.047.795.118
Thuế tài nguyên	-	2.787.840	2.787.840	-
Các loại thuế khác	-	31.922.203	28.765.635	3.156.568
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.824.450	9.824.450	-
Cộng	4.176.459.115	33.261.187.706	31.903.516.315	5.534.130.506
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra và Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.847.824.741	4.060.804.400	212.979.659
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	341.574.461	1.142.503.079	800.928.618	-
Cộng	341.574.461	4.990.327.820	4.861.733.018	212.979.659

14. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Chi phí công tác phí, vé cầu đường	36.700.000	75.796.000
Chi phí thưởng sáng kiến cải tiến	18.490.000	29.940.000
Chi phí suất ăn công nhân	574.079.000	492.404.600
Chi phí đi lại cho người quản lý và bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị	-	60.000.000
Chi phí lưu kho và xuất khẩu hàng hóa	237.026.918	11.851.598
Phụ cấp công tác đảng	219.438.000	-
Thuê quảng cáo	180.000.000	-
Chi phí phải trả khác	313.350.500	251.090.937
Cộng	1.579.084.418	921.083.135

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Dự phòng phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.414.662.775	869.884.865
Cộng	1.414.662.775	869.884.865

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê lại đất	7.538.030.231	7.876.818.119
Cộng	7.538.030.231	7.876.818.119

17. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	2.043.252.944	1.472.069.444
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	11.869.289.788	7.905.765.758
<i>Tiền ăn ca</i>	<i>24.011.000</i>	<i>33.791.000</i>
<i>Đoàn phí công đoàn</i>	<i>2.420.897.940</i>	<i>2.433.444.800</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>423.986.512</i>	<i>199.092.222</i>
<i>Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ khuyến học Tổng Công ty</i>	<i>791.241.954</i>	<i>511.448.000</i>
<i>Công ty Nichipure</i>	<i>2.457.372.273</i>	<i>2.457.372.273</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.133.920.000</i>	<i>567.720.000</i>
<i>Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản còn lại trên đất</i>	<i>3.176.283.547</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.441.576.562</i>	<i>1.702.897.463</i>
Cộng	13.912.542.732	9.377.835.202

18. Vốn chủ sở hữu**18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	37.000.000.000	102.886.297.393	139.886.297.393
Lãi trong năm trước	-	72.680.917.172	72.680.917.172
Chia cổ tức	-	(44.400.000.000)	(44.400.000.000)
Trích lập quỹ	-	(21.486.297.393)	(21.486.297.393)
Số dư tại ngày 31/12/2023	37.000.000.000	109.680.917.172	146.680.917.172
Lãi trong năm này	-	75.671.151.324	75.671.151.324
Chia cổ tức (*)	-	(74.000.000.000)	(74.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Trích lập quỹ (*)	-	(35.680.917.172)	(35.680.917.172)
Số dư tại ngày 31/12/2024	37.000.000.000	75.671.151.324	112.671.151.324

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2024 và Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 10/6/2024 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023.

18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	18.870.000.000	18.870.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	18.130.000.000	18.130.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	37.000.000.000	37.000.000.000
Vốn góp đầu năm	37.000.000.000	37.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	37.000.000.000	37.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	74.000.000.000	44.400.000.000

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.700.000	3.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.700.000	3.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.700.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.700.000	3.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.700.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	3.512.124.618	-	-	3.512.124.618
Cộng	3.512.124.618	-	-	3.512.124.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngoại tệ các loại		
USD	504.566,35	530.740,74
EURO	676,23	674,20
JPY	191,00	707.191,00
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
Trung tâm thiết kế chế tạo và chuyển giao công nghệ	93.258.500	93.258.500
Công ty CP Phát triển công nghệ Việt Mỹ	11.000.541	11.000.541
Công ty TNHH Anh Thu	45.250.280	45.250.280
Trương Công Hùng - DNTN Xuân Hoàng Hà	87.000.014	87.000.014
Công ty TNHH Thực nghiệp Kim Quốc Lâm Việt Nam	2.772.000	2.772.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại quốc tế ICT	19.821.968	19.821.968
Viện nghiên cứu cơ khí	143.053.902	143.053.902
Công ty TNHH Vận tải Bình Minh	23.075.055	23.075.055
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Thành	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu phụ tùng 1	531.207.159	531.207.159
Lê Minh Khoa	135.322.140	135.322.140
Phạm Trường Thành	4.447.310.534	4.447.310.534
Công ty TNHH XNK Wuxi Jinshui	71.926.700	71.926.700
Công ty CP Cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành	40.000.000	40.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phát triển hạ tầng Hồng Long	-	30.000.000
Jiangyin Xing Cheng Special Steel Works Co., Ltd	1.451.484	1.451.484
Doanh nghiệp tư nhân Thiên Phát 99	693.660	693.660
Phải thu khác - Bảo hiểm thân thể	850.000	850.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	120.323.095.315	115.793.711.245
Doanh thu bán thành phẩm	987.909.517.336	922.619.445.405
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.096.326.141	4.363.096.706
Doanh thu khác	3.337.902.618	7.195.174.773
Cộng	1.117.666.841.410	1.049.971.428.129

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỒ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phồ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	548.271.618	274.503.988
Hàng bán bị trả lại	7.632.954	4.159.036
Cộng	555.904.572	278.663.024

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	101.361.507.793	102.497.895.024
Giá vốn của thành phẩm đã bán	802.148.737.238	750.132.402.457
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.046.522.519	2.715.994.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.605.616.473	2.141.155.431
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(29.128.574)	(258.772.952)
Cộng	910.133.255.449	857.228.674.207

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	2.249.722.795	4.835.413.259
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.686.722.080	3.167.297.440
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	537.375.151	195.055.587
Chiết khấu thanh toán	109.786.222	-
Cộng	8.583.606.248	8.197.766.286

5. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.406.130.191	559.908.727
Cộng	2.406.130.191	559.908.727

6. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	1.851.444.481	3.219.671.187
Cộng	1.851.444.481	3.219.671.187

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí phạt, lãi chậm nộp	194.243.420	909.121.134
Chi phí hàng lỗi	62.785.109	255.054.729
Các khoản thuế GTGT không được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp do kê khai điều chỉnh thuế suất	1.711.761.897	-
Xử lý công nợ	61.445	340.296
Chi phí khác	144.777.532	20.423.037
Cộng	2.113.629.403	1.184.939.196

8. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>26.077.259.673</i>	<i>23.855.255.946</i>
Chi phí nhân viên	11.384.552.250	9.957.271.150
Chi phí vật liệu, bao bì	2.072.362.831	910.147.869
Chi phí khấu hao TSCĐ	554.588.528	752.047.115
Thuế, phí, lệ phí	-	51.291.467
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng bán	1.414.662.775	869.884.865
Dự phòng quỹ tiền lương	-	1.642.854.700
Chi phí bằng tiền khác	10.651.093.289	9.671.758.780
<i>b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng</i>	<i>(1.561.269.565)</i>	<i>(1.701.200.741)</i>
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	(691.384.700)	(845.686.537)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(869.884.865)	(855.514.204)
Cộng	24.515.990.108	22.154.055.205

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>95.159.510.729</i>	<i>89.543.977.742</i>
Chi phí nhân viên quản lý	52.753.638.689	46.428.808.704
Chi phí vật liệu quản lý	1.192.749.563	1.018.535.056
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.502.694.705	3.257.519.847
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.694.169.313	4.987.332.472
Thuế, phí và lệ phí	1.263.585.645	650.473.543
Dự phòng quỹ tiền lương	5.807.950.389	6.950.424.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.745.322.379	2.183.663.045
Chi phí bằng tiền khác	25.199.400.046	24.067.221.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.021.024.059)	(1.983.215.288)
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(271.236.683)
Hoàn nhập dự phòng lương	(2.021.024.059)	(1.711.978.605)
Cộng	93.138.486.670	87.560.762.454

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	534.070.184.856	627.794.352.502
Chi phí nhân công	236.909.252.272	201.866.799.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.618.305.222	29.164.956.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.462.209.231	22.113.332.849
Chi phí khác bằng tiền khác	43.095.632.145	25.921.737.774
Cộng	940.155.583.726	906.861.179.070

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	95.238.495.746	92.421.862.789
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(597.382.681)	(181.545.597)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.837.703.446	2.132.227.253
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	181.545.597	(423.384.141)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	97.660.362.108	93.949.160.304
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.532.072.422	18.789.832.061
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	35.272.000	951.113.556
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.567.344.422	19.740.945.617

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	75.671.151.324	72.680.917.172
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(37.148.899.433)	(35.680.917.172)
Các khoản điều chỉnh tăng		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản điều chỉnh giảm	(37.148.899.433)	(35.680.917.172)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(37.148.899.433)	(35.680.917.172)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.522.251.891	37.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.700.000	3.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	10.411	10.000

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2024 của Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2024 được Công ty tạm trích lập theo tỷ lệ đã trích lập của năm 2023.

(**) Do trên Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty đã tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2023 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2024. Cụ thể như sau:

	Năm 2023		
	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	72.680.917.172	-	72.680.917.172
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm-lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(23.702.102.910)	(11.978.814.262)	(35.680.917.172)
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.702.102.910)	(11.978.814.262)	(35.680.917.172)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(23.702.102.910)	(11.978.814.262)	(35.680.917.172)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.978.814.262	(11.978.814.262)	37.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.700.000		3.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.238		10.000

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 14/12/2024, ông Nguyễn Đức Chung - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 đã có đơn xin từ nhiệm gửi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty, xin thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/02/2025, Quyết định chính thức sẽ được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Đồng thời, Ông Nguyễn Đức Chung cũng xin từ chức Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/02/2025, Quyết định chính thức sẽ được Hội đồng quản trị phê duyệt. Đến ngày phát hành báo cáo này, do vẫn chưa có sự phê duyệt chính thức nên Báo cáo này vẫn tiếp tục được ký duyệt bởi Ông Nguyễn Đức Chung - thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (Người đại diện theo pháp luật của Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Cùng Công ty mẹ
Viện công nghệ	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	Công ty con của Viện công nghệ
Công ty Honda Việt Nam	Công ty liên doanh với Công ty mẹ
Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đàm Duy Đức	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Hoàng Công Toán	Thành viên HĐQT
Ông Vương Quốc Chính	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Khanh	Phó Giám đốc
Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Vũ Ngọc Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Út	Thư ký Công ty/Phụ trách quản trị Công ty

(*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng		
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	13.567.985.840	12.791.846.420
Công ty TNHH MTV Máy kéo và máy Nông nghiệp	-	256.894.545
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	2.356.100.000	-
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	5.147.277.100	519.133.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊNĐịa chỉ: Tổ dân phố Bồng Hồng, phường Bãi Bồng,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	970.000.000	970.000.000
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	5.344.779.505	12.960.732.340
Công ty Honda Việt Nam	-	32.000.000

Bán hàng

Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	18.354.602	-
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	3.101.091.000	459.212.000
Công ty Honda Việt Nam	338.611.138.488	304.274.739.067
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	54.519.010	26.385.000

(*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty Honda Việt Nam	36.432.171.085	25.752.467.819

Các khoản phải trả người bán

Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	2.588.000.822	3.113.609.202
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	1.873.594.800
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	493.791.100	-

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	(Trình bày lại) VND
Thù lao của Hội đồng quản trị		903.757.000	758.960.000
Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch	241.629.000	204.084.000
Ông Đàm Duy Đức	Thành viên	157.532.000	135.719.000
Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên	157.532.000	135.719.000
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên	173.532.000	141.719.000
Ông Vương Quốc Chính	Thành viên	173.532.000	141.719.000
Thu nhập Ban Giám đốc và thành viên quản lý khác		7.420.359.965	5.517.583.200
Ông Nguyễn Đức Chung	Giám đốc	2.008.887.461	1.785.363.600
Ông Lê Văn Khanh	Phó Giám đốc	1.443.430.504	1.253.567.600
Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc	1.351.249.000	1.074.151.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/5/2024)	933.473.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	1.320.657.000	1.136.987.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Út	Thư ký Công ty/Phụ trách quản trị Công ty	362.663.000	267.514.000
Thu nhập Ban kiểm soát		444.047.000	374.320.000
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng ban	351.119.000	305.444.000
Nguyễn Thị Phương	Thành viên	46.464.000	34.438.000
Vũ Ngọc Hùng	Thành viên	46.464.000	34.438.000
Cộng		<u>8.768.163.965</u>	<u>6.650.863.200</u>

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực địa lý

Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và xuất khẩu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai khu vực địa lý này.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và tài sản dài hạn khác cũng như các khoản nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Năm 2024

VND

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	866.644.182.946	250.466.753.892	1.117.110.936.838
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh	702.399.317.441	207.733.938.008	910.133.255.449
Lợi nhuận gộp	164.244.865.505	42.732.815.884	206.977.681.389
Tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu	18,95%	17,06%	18,53%

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Ngọc Thanh

Nguyễn Thị Hồng Thắm



Nguyễn Đức Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024,
chi trả cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2024 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế để lại từ các năm trước		0
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024		75.671.151.324
3	Tổng lợi nhuận sau thuế đến hết năm 2024		75.671.151.324
4	Phân phối lợi nhuận	100%	75.671.151.324
4.1	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (49,7% lợi nhuận sau thuế năm 2024, bằng 2,07 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)	49,7%	37.625.740.324
4.2	Trích Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành (bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách)	1,4%	1.045.411.000
4.3	Lợi nhuận chia cổ tức	48,9%	37.000.000.000

II. Chia cổ tức năm 2024

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền và ủy quyền để Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và thực hiện việc chi trả phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt cụ thể như sau:

- Mức chi trả cổ tức: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Tổng số tiền mặt chi trả cổ tức: 37.000.000.000 đồng;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TTr-BKS

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt danh sách công ty kiểm toán BCTC năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, đồng thời dựa trên danh sách các công ty kiểm toán độc lập hoạt động tại Việt Nam được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho phép kiểm toán, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên, cụ thể là một trong các công ty sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Đồng thời, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền để Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán được đề xuất nêu trên theo quy định của pháp luật và giao Giám đốc công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên;

Để đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong việc triển khai nhiệm vụ được giao; Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024		Đề xuất Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025
	Kế hoạch	Thực hiện	
Quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS	1.177,5	1.413,0	1.407,6

2. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty sẽ xem xét đề trích lập Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 giảm hoặc tăng tương ứng với phần lợi nhuận thực hiện, nhưng không quá 20%, đảm bảo phù hợp với quy định.

3. Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương, thù lao cụ thể theo từng chức danh theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Fomeco. Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

4. Ngân sách hoạt động: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT;

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Phương

Số: 09/TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
2.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
4.	Bán buôn tổng hợp	4690

Trân trọng kính trình./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 02/6/2025 của HĐQT)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Lê Minh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên số 4600355393 được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 07/5/2004, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/4/2025.

Căn cứ Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng quản trị về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên như Phụ lục đính kèm và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị cập nhật các nội dung sửa đổi và ban hành Điều lệ mới (cập nhật sau sửa đổi).

Trân trọng kính trình./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 02/6/2025 của HĐQT)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Phương

PHỤ LỤC

Một số nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ FOMECO

(ban hành kèm theo Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của HĐQT)

STT	Quy định tại Điều lệ năm 2021	Nội dung quy định tại Điều lệ năm 2021	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
1	Khoản 3 Điều 2	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Bông Hồng - Phường Bãi Bông - <u>Thị xã Phổ Yên</u>, Tỉnh Thái Nguyên. - Điện thoại: +84-208-3863694, +84-208-3863693; - Fax: +84-208-3863118; - E-mail: info@fomeco.vn; - Website: www.fomeco.vn 	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Bông Hồng - Phường Bãi Bông - <u>thành phố Phổ Yên</u>, Tỉnh Thái Nguyên. - Điện thoại: +84-208-3863694, +84-208-3863693; - Fax: +84-208-3863118; - E-mail: info@fomeco.vn; - Website: www.fomeco.vn 	<p>Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên số 4600355393 được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 07/5/2004, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/4/2025.</p>
2	Khoản 1 Điều 4	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải). - Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác. - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô và xe có động cơ khác. - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai 	<p>Mã ngành 7410: Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải).</p> <p>Mã ngành 2930: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác.</p> <p>Mã ngành 4530: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô và xe có động cơ khác.</p> <p>Mã ngành 4543: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.</p> <p>Mã ngành 4653: Bán buôn máy móc, thiết bị</p>	<p>Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày tháng năm 2025 của Hội đồng quản trị về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh</p>

	<p>khoáng, xây dựng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay). - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo). - Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy). - Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác. - Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp. - Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén. - Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại. - Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng. - Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. - Rèn, dập, ép cán kim loại; luyện bột kim loại. - Sản xuất mô tô, xe máy. - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp. - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô). - Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động. - Sản xuất các cấu kiện kim loại. - Thoát nước và xử lý nước thải. - Thu gom rác thải không độc hại. - Thu gom rác thải độc 	<p>và phụ tùng máy nông nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã ngành 4659: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng) - Mã ngành 2599: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay). - Mã ngành 2592: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. - Mã ngành 2651: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo). - Mã ngành 2811: Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy). - Mã ngành 2813: Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác. - Mã ngành 2816: Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp. - Mã ngành 2818: Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén. - Mã ngành 2822: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại. - Mã ngành 2824: Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng. - Mã ngành 2910: Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. - Mã ngành 2591: Rèn, dập, ép cán kim loại; 	
--	---	--	--

	<p>hại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. - Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại – không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường). - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật). 	<p>luyện bột kim loại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã ngành 3091: Sản xuất mô tô, xe máy. - Mã ngành 2821: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp. - Mã ngành 3320: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô). - Mã ngành 2814: Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động. - Mã ngành 2511: Sản xuất các cấu kiện kim loại. - Mã ngành 3700: Thoát nước và xử lý nước thải. - Mã ngành 3811: Thu gom rác thải không độc hại. - Mã ngành 3812: Thu gom rác thải độc hại. - Mã ngành 3821: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. - Mã ngành 3822: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. - Mã ngành 3830: Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại – không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường). - Mã ngành 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. - Mã ngành 4933: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. 	
--	--	---	--



			<p>- Mã ngành 2220: <u>Sản xuất sản phẩm từ plastic.</u></p> <p>- Mã ngành 4662: <u>Bán buôn kim loại và quặng kim loại.</u></p> <p>- Mã ngành 4669: <u>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.</u></p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <p>- Mã ngành 4690: <u>Bán buôn tổng hợp.</u></p> <p>- Mã ngành 8299: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).</p>	
--	--	--	---	--

TỔNG CÔNG TY MĐL VÀ MNN VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

DỰ THẢO



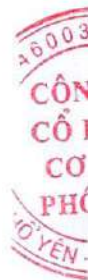
ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Thái Nguyên, Năm 2025

MỤC LỤC

Chương I.....	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
Chương II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Chương III.....	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
Chương IV.....	8
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
Chương V.....	10
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
Chương VI.....	11
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Chương VII	24
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	31
Chương VIII	31
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 34. Người điều hành Công ty	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	32
Chương IX.....	33
BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	33
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	33
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	35
Chương X.....	36
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
Chương XI.....	37
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	37
Chương XII	38
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn	38



Chương XIII	38
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 48. Phân phối lợi nhuận.....	38
Chương XIV	39
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 49. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 50. Năm tài chính	39
Điều 51. Chế độ kế toán.....	39
Chương XV	39
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	39
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 52. Báo cáo tài chính năm	40
Điều 53. Báo cáo thường niên.....	40
Chương XVI.....	40
KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 54. Kiểm toán	40
Chương XVII	40
DẤU CỦA CÔNG TY	40
Điều 55. Dấu của Công ty	40
Chương XVIII.....	41
GIẢI THẺ CÔNG TY	41
Điều 56. Giải thẻ công ty	41
Điều 57. Thanh lý.....	41
Điều 58. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	41
Điều 59. Phá sản.....	42
Chương XIX.....	42
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
Chương XX.....	42
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 61. Điều lệ công ty.....	42
Chương XXI.....	43
NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 62. Ngày hiệu lực	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) FOMECO hoặc Công ty là Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên;
- d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- đ) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;
- k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- p) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊN**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHO YEN MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: FOMECO

- Logo Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Bông Hồng - Phường Bãi Bông – thành phố Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên.

- Điện thoại: +84-208-3863694, +84-208-3863693;

- Fax: +84-208-3863118;

- E-mail: : info@fomeco.vn

- Website: www.fomeco.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về bản thân mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

d) Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải).	7410
Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (ngành chính)	2930
Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô và xe có động cơ khác.	4530
Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.	4543
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.	4653
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng)	4659
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay).	2599
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.	2592
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo).	2651
Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy).	2811
Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác.	2813
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.	2816
Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén.	2818
Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại.	2822
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng.	2824
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác.	2910
Rèn, dập, ép cán kim loại; luyện bột kim loại.	2591
Sản xuất mô tô, xe máy.	3091
Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.	2821
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô).	3320
Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động.	2814
Sản xuất các cấu kiện kim loại.	2511
Thoát nước và xử lý nước thải.	3700

Thu gom rác thải không độc hại.	3811
Thu gom rác thải độc hại.	3812
Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.	3821
Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.	3822
Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại – không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường).	3830
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	4662
Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
Bán buôn tổng hợp.	4690
Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8299

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty xây dựng và phát triển thương hiệu FOMEKO trên thị trường trong nước và quốc tế, tăng năng suất, tăng chất lượng, tạo nền tảng phát triển bền vững, ổn định và lâu dài, tối đa hóa lợi nhuận, từ đó tạo ra của cải vật chất đem lại lợi ích cho các cổ đông, người lao động, khách hàng của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 37.000.000.000 đồng

Bằng chữ : Ba mươi bảy tỷ đồng.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành:

Tổng số cổ phần : 3.700.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán

được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25; đề cử các ứng viên Ban kiểm soát theo quy định tại điều 36 Điều lệ này;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Việc đề cử người vào hội đồng quản trị thực hiện theo hướng dẫn tại điều 25, đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện theo điều 36 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Cung cấp thông tin nhân thân chính xác và đầy đủ để được thông báo về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thông tin bao gồm nhưng không hạn chế trong địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ nhận thư tín, số điện thoại cá nhân, địa chỉ email, các thông tin khác nếu có.

7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

9. Cổ đông có nghĩa vụ thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết đã mua.

10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan

hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc ;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng sau:

(i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

(ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

(iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết được cấp các tài liệu sau:

- a) Tài liệu họp;
- b) Một thẻ biểu quyết có đóng dấu của Công ty. Trên thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông. Thẻ biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức giơ thẻ;
- c) Phiếu biểu quyết có đóng dấu của Công ty. Trên phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Phiếu biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua bằng hình thức bỏ phiếu, số lượng phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung cần biểu quyết, có thể tích hợp thành một hoặc nhiều phiếu biểu quyết;
- d) Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có đóng dấu của Công ty trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động từ triệu tập họp, tổ chức họp đến biểu quyết thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh

ng nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.



3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu;

liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- e) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của công ty và được cung cấp các trang thiết bị vật dụng văn phòng phục vụ cho công việc và nhiệm vụ được giao;
- g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị

đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự (thông qua họp trực tuyến) giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc họp trực tuyến hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiến hành tại trụ sở Công ty hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của công ty và được cung cấp các trang thiết bị vật dụng văn phòng phục vụ cho công việc và nhiệm vụ được giao;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VIII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Người điều hành công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Người điều hành công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được làm Giám đốc công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

6. Giám đốc công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập

chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

5. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao

dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản

theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 55. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 57. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 58. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và các trách nhiệm liên quan thực hiện theo yêu cầu của pháp luật.

Điều 59. Phá sản

Việc phá sản công ty tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Luật phá sản và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên nhất trí thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Công ty CP cơ khí Phổ Yên – phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Đơn từ chức thành viên Hội đồng quản trị ngày 14/12/2024 của ông Nguyễn Đức Chung,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Đức Chung kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Phòng TC-NS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên


Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 người.

Trân trọng kính trình./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Phòng TC-NS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Phương

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2025

QUY CHẾ
Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO) tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) theo các nội dung như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26 tháng 5 năm 2025).

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 01 thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.

Ứng viên bầu vào HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020, khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, khoản 4 Điều 25 Điều lệ FOMECO. Cụ thể, Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của FOMECO và không nhất thiết phải là cổ đông của FOMECO;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của FOMECO có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của FOMECO; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

Điều 3. Quyền đề cử làm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên mà mỗi nhóm có



quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông: **ngày 26/5/2025**):

- a. Từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- b. Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c. Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d. Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- đ. Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- e. Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- g. Từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- h. Từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử/ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào thành viên HĐQT

1. Hồ sơ tham gia đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị gồm:
 - Đơn đề cử ứng viên Hội đồng quản trị (*mẫu kèm theo*).
 - Sơ yếu lý lịch ứng viên do ứng viên tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật (*mẫu kèm theo*):
 - Bản sao chứng thực Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/hộ chiếu;
 - Bản sao các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

2. Dựa trên đơn đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử ứng viên vào HĐQT của FOMECO, Ban tổ chức đại hội sẽ lập danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên HĐQT và thông qua danh sách tại Đại hội. Danh sách các ứng viên sẽ được lập theo thứ tự ABC theo tên của ứng viên.

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

a. Phiếu bầu màu vàng do Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của công ty, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền đại diện, tổng số quyền biểu quyết.

b. Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông được phát 01 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

2. Cách ghi phiếu bầu

a. Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng viên vào ô trống của ứng viên đó trên phiếu bầu.

b. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.

c. Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

3. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Phiếu không do Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên phát hành và/hoặc không có dấu của công ty;

b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

đ. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;

e. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng viên nào.

Điều 6. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (có phụ lục hướng dẫn kèm theo).

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng viên (có phụ lục hướng dẫn kèm theo).

Điều 7. Ban Kiểm phiếu và bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu và bầu cử

a. Ban kiểm phiếu và bầu cử do Đoàn chủ tịch giới thiệu, gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên khác và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc

tổ chức và giám sát bầu cử được Ban kiểm phiếu và bầu cử thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này.

b. Ban Kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Giới thiệu phiếu bầu cử;
- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- Tiến hành kiểm phiếu;

- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội;

- Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội;

- Cùng Ban Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

- Các nhiệm vụ liên quan khác.

c. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT.

d. Ban kiểm phiếu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

1. Nguyên tắc bầu dồn phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu hướng dẫn tại Đại hội (*Phụ lục hướng dẫn bầu cử kèm theo*).

2. Nguyên tắc trúng cử:

- Số lượng ứng viên được bầu làm thành viên HĐQT là 01 người;

- Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp.

- Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau thì người nào sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu cùng bằng nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
 - b. Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - c. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
 - d. Kết quả bầu cử;
 - e. Chữ ký của Thành viên Ban kiểm phiếu;
3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 10. Quyền khiếu nại và hiệu lực của Quy chế

1. Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Ban Chủ tọa Đại hội và Ban kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông/đại diện cổ đông và được ghi vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Quy chế này gồm 10 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, Thư ký C.ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Phương



PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU CỬ THEO NGUYÊN TẮC BẦU DÒN PHIẾU

(ban hành kèm theo Quy chế bầu cử bầu bổ sung thành viên HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)

I. TRƯỜNG HỢP CHỈ CÓ 01 ỨNG VIÊN

1. Loại phiếu bầu:

- Phiếu màu vàng bầu thành viên Hội đồng quản trị

2. Bỏ phiếu:

- Bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị vào thùng phiếu.

3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị (số lượng thành viên được bầu là 01 thành viên).

- Cử đông có thể sử dụng hết số phiếu bầu để bầu cho ứng viên hoặc sử dụng một phần số phiếu bầu để bầu cho ứng viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

Ví dụ: Cổ đông Trần Văn B nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Trần Văn B là: 10.000 cổ phần x 1 = **10.000** phiếu bầu.

Cổ đông Trần Văn B có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông sử dụng hết số phiếu bầu

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	10.000
Tổng số phiếu bầu	10.000

Trường hợp 2: Cổ đông sử dụng một phần số phiếu bầu

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	5.000
Tổng số phiếu bầu	5.000

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- *Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).*

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	15.000
Tổng số phiếu bầu	15.000



II. TRƯỜNG HỢP CÓ TỪ 02 ỨNG VIÊN TRỞ LÊN

1. Loại phiếu bầu:

- Phiếu màu vàng bầu thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bỏ phiếu:

- Bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị vào thùng phiếu .

3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị (số lượng thành viên được bầu là 01 thành viên).

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả các ứng viên hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên nhưng tổng số phiếu đã biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được biểu quyết.

Ví dụ: Cổ đông Trần Văn B nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Trần Văn B là: 10.000 cổ phần x 1 = **10.000 Phiếu bầu**.

Cổ đông Trần Văn B có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông sử dụng hết số phiếu bầu cho 1 ứng viên

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	10.000
2. Ứng viên 2	0
Tổng số phiếu bầu	10.000

Trường hợp 2: Cổ đông chia đều số phiếu bầu cho các ứng viên

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	5.000
2. Ứng viên 2	5.000
Tổng số phiếu bầu	10.000

Trường hợp 3: Cổ đông chia số phiếu bầu cho các ứng viên nhưng không đồng đều

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	3.000
2. Ứng viên 2	7.000
Tổng số phiếu bầu	10.000

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Họ tên ứng viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	5.000
2. Ứng viên 2	10.000
Tổng số phiếu bầu	15.000

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.





ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Tên tổ chức/cá nhân:

CMND/CCCD/ĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện:..... cổ phần (Bằng chữ.....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:(đồng)

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên cho tôi được đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ.....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được bầu cử trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm 2025

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Hôm nay, ngày...../...../2025, tại,
chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên cùng nhau nắm
giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công
ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....

.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên,
được bầu cử trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24
tháng 6 năm 2025.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

CMND/CCCD/ĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... (đồng)

làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham
gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)





SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:; Giới tính:
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày:
 Nơi cấp:
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

7. Chỗ ở hiện tại:
8. Trình độ học vấn :
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

11. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

12. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm, các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....

13. Quan hệ thân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh/chị/em ruột					
Vợ/chồng					
Con					

14. Thông tin liên quan:

14.1. Các lợi ích có liên quan đến FOMECO (nếu có):

14.2. Số cổ phần nắm giữ: cổ phần

14.3. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử:

.....

14.4. Cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực (nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị):.....

.....

14.5. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và hợp lý của các thông tin cá nhân nêu trên. Nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật./.

....., ngày tháng..... năm 2025

ỨNG VIÊN
(ký, ghi rõ họ tên)

Số: 01 /HĐQT-FOMECO

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027

Kính gửi: Quý Cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Đơn từ chức của 01 thành viên Hội đồng quản trị về việc thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị FOMECO thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử đề bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2022-2027 của FOMECO với quy định đề cử như sau:

1. Tiêu chuẩn

Ứng viên bầu vào HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020, khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, khoản 4 Điều 25 Điều lệ FOMECO. Cụ thể, Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của FOMECO và không nhất thiết phải là cổ đông của FOMECO;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của FOMECO có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của FOMECO; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

2. Số lượng và quyền đề cử ứng viên HĐQT

a) Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên HĐQT.

b) Quyền đề cử ứng viên HĐQT: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 26/5/2025):

- Từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử/ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Hồ sơ đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

Hồ sơ tham gia đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị gồm:

- Đơn đề cử ứng viên Hội đồng quản trị (*mẫu kèm theo*).
- Sơ yếu lý lịch ứng viên do ứng viên tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật (*mẫu kèm theo*):
- Bản sao chứng thực Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/hộ chiếu;
- Bản sao các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

4. Thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ đề cử

Hồ sơ đề cử ứng viên xin gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 20 tháng 6 năm 2025 theo địa chỉ:

- Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên;
- Địa chỉ: TDP Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 863 694 - Fax: 02083 863 118

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- CBTT (Website);
- Lưu: VP, Thư ký C.ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Phương



ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Tên tổ chức/cá nhân:

CMND/CCCD/ĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện:..... cổ phần (Bằng chữ:.....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:(đồng)

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên cho tôi được đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được bầu cử trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm 2025

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Hôm nay, ngày...../...../2025, tại,
chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên cùng nhau nắm
giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công
ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên,
được bầu cử trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24
tháng 6 năm 2025.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

CMND/CCCD/ĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... (đồng)

làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham
gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:; Giới tính:
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày:
 Nơi cấp:
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

7. Chỗ ở hiện tại:
8. Trình độ học vấn :
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

11. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

12. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm, các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....

13. Quan hệ thân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh/chị/em ruột					
Vợ/chồng					
Con					

14. Thông tin liên quan:

14.1. Các lợi ích có liên quan đến FOMECO (nếu có):

14.2. Số cổ phần nắm giữ: cổ phần

14.3. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử:

14.4. Cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực (nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị):.....

14.5. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và hợp lý của các thông tin cá nhân nêu trên. Nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật./.

....., ngày tháng..... năm 2025

ỨNG VIÊN

(ký, ghi rõ họ tên)



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: **LÊ VĂN KHANH** ; Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 10 năm 1976
- Nơi sinh: Xã Mai Động, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 019076018647 Cấp ngày: 17/12/2021
Nơi cấp: Cục cảnh sát cư trú về trật tự xã hội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP 2A, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
- Chỗ ở hiện tại: TDP 2A, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1996 đến 2001	Trường ĐH KTCN Thái Nguyên	Kỹ sư Cơ khí		
2009 đến 2011	Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		
2018 đến 2021	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		

11. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
2002 ~ 2003	Phòng Công nghệ - Công ty Cơ khí Phổ Yên	Kỹ thuật viên		
2004 ~ 2004	Xưởng Cơ khí 3 - Công ty Cơ khí Phổ Yên	Quản đốc Xưởng		
2005 ~ 2006	Xí nghiệp Cơ khí 3 - Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Xí nghiệp		
2007 ~ 2010	Xí nghiệp Cơ khí 2 - Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Xí nghiệp		
2011 ~ 2015	Xí nghiệp Cơ khí 2 - Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Xí nghiệp		
2016 ~ 2016	TT QT.ĐHSX - Công ty CP	Phó Giám đốc TT		

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
	Cơ khí Phở Yên			
2017 ~ 2019	Xí nghiệp Cơ khí 1 - Công ty CP Cơ khí Phở Yên Bí thư chi bộ Cơ khí 1	Giám đốc Xí nghiệp		
Từ T7/2019 đến T3/2025	Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên Bí Thư Đảng uỷ Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	Phó Giám đốc Công ty		
Từ T4/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	Giám đốc Công ty		

12. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm, các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....

13. Quan hệ thân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Lê Văn Báu	1944	Đã chết.		
Mẹ	Tô Thị Giới	1950	Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.	Nông dân	
Anh/chị/em ruột	Lê Thị Doanh	1969	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Nông dân	
Vợ/chồng	Nguyễn Thị Thúy	1980	TDP 2A, phường Phố Cò, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân kinh tế	Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên
Con	Lê Gia Khánh	2008	TDP 2A, phường Phố Cò, TP Sông Công, tỉnh Thái	Học sinh	

			Nguyên		
Con	Lê Gia Bảo	2012	TDP 2A, phường Phố Cò, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Học sinh	

14. Thông tin liên quan:

14.1. Các lợi ích có liên quan đến FOMECO (nếu có):

14.2. Số cổ phần nắm giữ: 11.070 cổ phần

14.3. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: 1.887.000 cổ phần

14.4. Cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực (nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị):.....

14.5. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và hợp lý của các thông tin cá nhân nêu trên. Nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật./.

Thái Nguyên., ngày 23 tháng 6 năm 2025

ỨNG VIÊN

(ký, ghi rõ họ tên)


Lê Văn Khanh

